

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 4 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng.

2. Ông Vũ Đức Khang.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn K, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm 1981;

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà có mặt anh K, vắng mặt chị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 26 tháng 11 năm 2017, lời khai tại các buổi làm việc và tại phiên toà nguyên đơn anh Đoàn Văn K trình bày: Anh K kết hôn với chị Dương Thị D trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh K ở xã H, huyện N. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần dẫn đến việc ly hôn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Từ tháng 10/2008, hai vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh K xin ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Đoàn Văn K xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Bảo K, sinh ngày 11/5/2002 và cháu Đoàn Phúc A, sinh ngày 31/3/2007. Sau khi ly hôn, anh K xin trực tiếp nuôi cháu Đoàn Bảo K còn chị D trực tiếp nuôi cháu Đoàn Phúc A; không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Đoàn Văn K xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị Dương Thị D là bị đơn vắng mặt (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng chị D đã có lời khai, thể hiện: Chị D có quan điểm giống với anh K về quá trình vợ chồng kết hôn, chung sống. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở thôn C, xã H. Vợ chồng chung sống đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D không chung thuỷ với chồng. Từ tháng 10/2008 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ở cùng nhau. Nay anh K có đơn xin ly hôn, chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị D có lời khai thống nhất với anh K, vợ chồng chị có 02 con chung là Đoàn Bảo K, sinh ngày 11/5/2002 và Đoàn Phúc A, sinh ngày 31/3/2007. Sau khi ly hôn, chị D xin tiếp nuôi cháu Đoàn Phúc A còn anh K trực tiếp nuôi cháu K và không yêu cầu anh K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị D cũng có lời khai xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Đoàn Văn K đề nghị giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn K và chị Dương Thị D đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện N, chị D đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy

căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý, giải quyết và vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Đoàn Văn K và chị Dương Thị D vào tháng 7/2001 trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hoà thuận hạnh phúc. Từ nguyên nhân vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Từ tháng 10/2008 cho đến nay anh K và chị D đã sống thân, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay Anh K, chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án nhân dân huyện N giải quyết ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh K và chị D là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đoàn Văn K và chị Dương Thị D đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Bảo K, sinh ngày 11/5/2002 và Đoàn Phúc A, sinh ngày 31/3/2007. Cháu K được anh K nuôi từ nhỏ và có nguyện vọng được ở với anh K; cháu A hiện đang ở với chị D và có nguyện vọng ở với chị D. Như vậy yêu cầu của anh K xin được nuôi cháu K; chị D đề nghị xin được nuôi cháu A là phù hợp với sự phát triển toàn diện của các cháu. Do vậy giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu A; anh K, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Đoàn Văn K và chị Dương Thị D đều khai thống nhất, xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Văn K phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đoàn Văn K và chị Dương Thị D.

[2] Về con chung: Giao cháu Đoàn Bảo K, sinh ngày 11/5/2002 cho anh Đoàn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Phúc A, sinh ngày 31/3/2007 cho chị Dương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Văn K phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BB/2012/06167 ngày 27/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương